| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG**<br>**TỈNH SÓC TRĂNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 31/2019/DS-ST
Ngày 30-7-2019
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng

*Hội thẩm nhân dân*: Ông Hà Văn Châu

Ông Trần Văn Phơ

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Văn Ngọc Hân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Bà Đồ Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2019/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", giữa các đương sự:

- <u>*Nguyên đơn*</u>: Bà **Tạ Ngọc Ng**, sinh năm 19xx; Địa chỉ: đường MTT, Khóm X, Phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

- <u>*Bị đơn*</u>: Ông **Phạm Hoàng Kh**, sinh năm 19xx; Địa chỉ: Khóm XX, Phường YY, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- <u>*Người làm chứng*</u>: Ông **Nguyễn Công T**, sinh năm 19xx; Địa chỉ: đường PDP, Khóm XXX, Phường YYY, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện ngày 20-12-2018 và quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa bà Tạ Ngọc Ng là nguyên đơn trình bày*:

Do bà Ng và ông Kh là chỗ quen biết nên vào ngày 11-8-2010, bà Ng có cho ông Kh vay số tiền là 25.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, trả lãi hàng tháng,

bắt đầu tính lãi từ ngày 11-8-2010. Từ khi vay đến nay ông Kh chưa đóng lãi và cũng không trả vốn. Đến hạn bà Ng có đến trực tiếp yêu cầu ông Kh trả nợ nhưng ông Kh không trả nợ cho bà Ng.

*Nay bà Tạ Ngọc Ng yêu cầu Tòa án giải quyết*:

Buộc ông Phạm Hoàng Kh trả cho bà Tạ Ngọc Ng số tiền là 25.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì bị đơn đều vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến*:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo đúng quy định.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung, tại phiên tòa nguyên đơn đưa ra được chứng cứ là tờ biên nhận và người làm chứng để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ. Việc vay mượn tiền giữa nguyên đơn với bị đơn có làm biên nhận và có người chứng kiến, nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp lý. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định*:

***Về tố tụng***:

[1] Về sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Tạ Ngọc Ng vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Phạm Hoàng Kh vắng mặt tại phiên tòa, nhưng không có người đại diện tham gia phiên tòa; Người làm chứng ông Nguyễn Công T. Căn cứ vào điểm khoản 1, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Ng, ông Kh, ông T.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà Tạ Ngọc Ng yêu cầu ông Phạm Hoàng Kh trả số tiền 25.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Nên thay đổi quan hệ

pháp luật tranh chấp từ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thành "Tranh chấp đòi lại tài sản" theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có địa chỉ tại thành phố S. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ, thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố S.

***Về nội dung***:

[4] Xét yêu cầu buộc ông Phạm Hoàng Kh trả bà Tạ Ngọc Ng số tiền là 25.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi, thấy:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông Kh nhưng ông Kh không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đưa ra chứng cứ và không tham gia phiên họp nên căn cứ vào khoản 2, khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh thì tiến hành giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ng đã cung cấp bản chính Tờ cam kết có chữ ký tên Kh, với nội dung thể hiện ông Kh đã mượn của bà Ng số tiền 25.000.000 đồng, bắt đầu đóng lời từ ngày 11-8-2010, nhưng đến nay chưa trả số tiền trên. Tại tờ cam kết có chữ ký của người chứng kiến là ông Nguyễn Công T. Tại biên bản ghi lời khai của người làm chứng ông T ngày 25-4-2019 và tại Tờ tường trình ngày 04-4-2019 ông T khai nhận, ông và ông Kh thường uống cà phê chung quán cà phê HK. Vào ngày 11-8-2010 tại quán cà phê HK (hiện nay là khách sạn TT) có 03 người gồm ông T, bà Ng và ông Kh ngồi chung bàn, ông Phạm Hoàng Kh có hỏi bà Ng để mượn số tiền 25.000.000 đồng, ông T thấy bà Ng đưa tiền cho ông Kh, sau khi ông Kh nhận được tiền thì ông Kh có kiểm đếm lại rồi bỏ vào túi, việc giao nhận tiền giữa bà Ng và ông Kh có thỏa thuận lãi suất hay không thì ông T không biết. Ông T chứng kiến bà Ng, ông Kh và ông T ký vào tờ cam kết ngày 11-8-2010. Bà Ng có đến gặp trực tiếp yêu cầu trả nợ, nhưng ông Kh không trả nợ cho bà Ng. Do đó, ông Kh đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 351; khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[5] Lời đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166; khoản 1 Điều 351; Điều 357; khoản 1 Điều 466; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tạ Ngọc Ng.

Buộc ông Phạm Hoàng Kh trả số tiền 25.000.000 đồng (*hai mươi lăm triệu đồng*) cho bà Tạ Ngọc Ng theo Tờ cam kết đề ngày 11-8-2010.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Tạ Ngọc Ng có đơn yêu cầu thi hành án, ông Phạm Hoàng Kh còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong khoản nợ cho bà Tạ Ngọc Ng.

2. Về án phí: Ông Phạm Hoàng Kh phải nộp 1.250.000 đồng (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Tạ Ngọc Ng không phải nộp án phí. Hoàn trả cho nguyên đơn bà Tạ Ngọc Ng số tiền tạm ứng án phí đã nộp 625.000 đồng (*Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004845 ngày 27-12-2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố S.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tống đạt hợp lệ theo quy định pháp luật. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a , 7b và 9 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TPST;
- Chi cục THADS TPST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

**Phan Lê Vũ Huy Hoàng**